TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chọn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng Lành.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn K, sinh năm 1980 và chị Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Hoàng V sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày như sau:

Trước đây vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G có hỏi vay tiền và vàng của chị. Tính đến ngày 07/4/2021 hai bên có lập 02 biên nhận về việc vay tiền và vàng với nội dung: 01 biên nhận vợ chồng anh K và chị G vay 270.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k; 01 biên nhận vợ chồng anh K và chị G vay

185.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 29.000.000đ, thỏa thuận mỗi tháng trả 10.000.000đ, thời gian trả bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận lãi suất trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định tính kể từ ngày 07/4/2021. Nhưng sau khi thỏa thuận thì vợ chồng anh K và chị G không trả nợ như đã cam kết. Như vậy, vợ chồng anh K và chị G còn nợ chị số tiền gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k.

Nay chị yêu cầu vợ chồng anh K và chị G trả cho chị số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k. Đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định trên số nợ 455.000.000đ từ ngày 08/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/7/2022 bị đơn anh Trương Văn K trình bày: Anh thừa nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ chị S số tiền vay 484.000.000đ (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng) và 16 (Mười sáu) chỉ vàng 24k. Trước đây, có thỏa thuận và viết biên nhận nợ, có thỏa thuận hàng tháng 10.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc G vắng mặt nên không có ý kiến.

Người làm chứng ông Phạm Hoàng V trình bày: Vào ngày 07/4/2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thì giữa vợ chồng anh K và chị G với chị S có thỏa thuận việc trả nợ. Các bên thống nhất nội dung trả nợ đối với nhau. Khi đó, các bên có làm biên nhận thể hiện số tiền và thời gian trả nợ, tuy nhiên thời gian lâu quá ông không nhớ rõ. Việc vợ chồng anh K, chị G và chị S làm biên nhận nợ thì ông có ký chứng kiến.

Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: 02 biên nhận nợ ngày 07/4/2021; giấy chứng minh nhân dân; biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2022.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Bùi Thị S yêu cầu vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G trả cho chị số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k (vàng 9999, giá vàng được tính tại thời điểm thanh toán). Đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định trên số nợ 455.000.000đ từ ngày 08/4/2021 cho đến khi ngày xét xử với số tiền lãi là 01 năm với lãi suất 10%/năm nên số tiền lãi là 45.500.000đ.

Bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố

tụng đúng theo quy định; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do; người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu K kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị S là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị S K kiện yêu cầu vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G trả nợ vay nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G theo quy định của pháp luật nhưng chị G vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có mặt anh K, vắng mặt chị G nên các bên không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử để xét yêu cầu của chị S đối với vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng về việc mở phiên tòa cho vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G theo quy định của pháp luật nhưng vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn chị Bùi Thị S yêu cầu xét xử vắng mặt vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G, người làm chứng Phạm Hoàng Vũ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G, người làm chứng Phạm Hoàng Vũ.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Thị S yêu cầu vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G trả số tiền vay còn nợ cụ thể là: Tính đến ngày 07/4/2021 vợ chồng anh K và chị G còn nợ chị S số tiền gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k (vàng 9999, giá

vàng được tính tại thời điểm thanh toán). Đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định trên số nợ 455.000.000đ từ ngày 08/4/2021 cho đến khi ngày xét xử là 01 năm với lãi suất 10%/năm nên số tiền lãi là 45.500.000đ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị S, bị đơn anh Trương Văn K thống nhất xác định là vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G còn nợ chị Bùi Thị S số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc G vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị S. Tuy nhiên, giữa chị S và anh K đã thống nhất xác nhận nợ với nhau đúng với nội dung 02 biên nhận được lập ngày 07/4/2021 có sự chứng kiến của ông Phạm Hoàng Vũ nên có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G còn nợ chị S số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ và 16 chỉ vàng 24k (vàng 9999, giá vàng được tính tại thời điểm thanh toán).

Về lãi suất: Chị S yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc là 455.000.000đ theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng từ ngày 08/4/2021 đến khi ngày xét xử và nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm, tính tròn lãi 01 năm là có căn cứ chấp nhận. Lãi cụ thể là 455.000.000đ x 10% = 45.500.000đ.

Đối với số vàng 16 chỉ vàng 24k, bà S không yêu cầu tĩnh lãi nên miễn xét.

Từ những nhận nêu trên, trong quá trình thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị S. Xử buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị S 16 chỉ vàng 24k (vàng 9999, giá vàng được tính tại thời điểm thanh toán); số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử là 45.500.000, tổng số tiền là 529.500.000đ (Năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: [(16 chỉ vàng 24k x 5.100.000) + 529.000.000đ] = 20.000.000đ x (4% x 211.1000.000đ) = 28.444.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Do yêu cầu K kiện nguyên đơn chị Bùi Thị S được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G chịu toàn bộ án phí là 28.444.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.860.000đ (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0004855 ngày 26/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên cho chị Bùi Thị S.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 145, 147, 227, 229 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị S đối với bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G yêu cầu trả số nợ 16 (Mười sáu) chỉ vàng 24k (vàng 9999, giá vàng được tính tại thời điểm thanh toán); số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử là 45.500.000, tổng số tiền là 529.500.000đ (Năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G trả cho nguyên đơn chị Bùi Thị S số nợ 16 (Mười sáu) chỉ vàng 24k (vàng 9999, giá vàng được tính tại thời điểm thanh toán); số tiền nợ gốc là 455.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 07/4/2021 là 29.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 08/4/2021 đến ngày xét xử là 45.500.000, tổng số tiền là 529.500.000đ (Năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G chịu án phí là 28.444.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.860.000đ (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo lai thu số 0004855 ngày 26/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên cho chị Bùi Thị S.

3/. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Bùi Thị S có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vợ chồng anh Trương Văn K và chị Trần Thị Ngọc G vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Chọn